

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 73/2025/DS-ST

Ngày: 27/5/2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 786/2024/TLST-DS ngày 29/10/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXX- DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số E T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Cao T, sinh năm 2001 và bà Phan Đình A, sinh năm 2002; Cùng địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Đình K, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số H L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: 292 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

Do quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Phi H (nguyên đơn) có cho ông Phạm Đình K (bị đơn) vay số tiền 300.000.000đồng ngày 01/8/2022, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 1.65%/năm, khi nay không giao tài sản làm tin, quá hạn bị đơn không trả gốc và lãi nên nguyên đơn khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất 1.65%/năm từ thời điểm vay cho đến khi trả hết nợ. Nay nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi 10%/năm tính đến ngày xét xử 27/5/2025 là 84.600.000đồng.

*** Bị đơn trình bày tại bản lấy lời khai:**

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì bị đơn đã trả hết. Cụ thể khoảng năm 2019 tôi có vay của ông H số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 45.000.000đồng/tháng/500.000.000đồng, thời hạn vay thỏa thuận khi nào ông H cần thì trả, khi vay không giao tài sản làm tin. Do ông H không có nhà nên nói tôi đến nhà ông có kế toán (tên gì không biết) sẽ đưa tiền; tôi đã nhận đủ tiền 500.000.000đồng và ký giấy vay không có nội dung đưa lại cho kế toán về đưa cho ông H (lý do giấy không có nội dung tôi vẫn ký là tin tưởng ông H nói cứ ký về ông ghi sau). Đến năm 2021 tôi đã trả số tiền gốc 500.000.000đồng tôi chuyển khoản một lần, còn lãi tôi đã trả hàng tháng đầy đủ (chứng cứ sẽ cung cấp sau). Khi trả tôi nghĩ đã chuyển khoản xong nên không yêu cầu lại lại giấy gốc.

Số tiền lãi đã trả bao nhiêu bị đơn không nhớ chỉ biết đến thời điểm trả gốc là trả hết lãi, không còn nợ. Khoản vay không liên quan đến gia đình hay doanh nghiệp của bị đơn.

Đối với chứng cứ ngày 01/8/2022 nguyên đơn dùng để khởi kiện đúng là chữ ký của bị đơn, tại khoản vay đã trình bày như ở trên nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 160, 220, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 300.00.000đồng và lãi theo quy định pháp luật.

+ Án phí và chi phí tố tụng: Thực hiện theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 227, 228 để tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Bị đơn chỉ trình bày ý kiến tại bản tự khai, vắng mặt trong buổi công khai chứng cứ và không cung cấp được chứng cứ cũng như trình bày ý kiến khác đối với nội dung vụ án. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 300.000.000đồng theo chứng cứ hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2022.

Bị đơn cho rằng bản thân không vay tiền vào ngày 01/8/2022 mà chỉ có khoản vay 500.000.000đồng trước đó đã thanh toán gốc và lãi xong. Đối với chứng cứ nguyên đơn khởi kiện bị đơn thừa nhận đúng là chữ ký của bị đơn, nhưng chỉ ký trên giấy mẫu không có nội dung nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, nguyên đơn cho rằng các khoản vay đã thanh toán xong nguyên đơn không khởi kiện, đối với khoản vay này bị đơn chưa trả và không đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn là ký trên giấy mẫu không có nội dung.

HĐXX xét thấy, việc bị đơn thừa nhận chữ ký của bị đơn trên chứng cứ nguyên đơn khởi kiện là tự nguyện; bị đơn cho rằng không vay khoản vay 300.000.000đồng mà chỉ vay khoản khác đã thanh toán xong nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét ý kiến của nguyên đơn mà cần xác định hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp.

[4.2] Về lãi suất: Theo hợp đồng vay các bên thỏa thuận lãi suất 1.65%/tháng, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả khoản tiền nào, bị đơn xác định không nợ

nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi 10%/năm tương ứng từ thời điểm vay đến ngày xét xử là 84.600.000đồng là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 384.600.000đồng, trong đó gốc là 300.000.000đồng, lãi là 84.600.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn có nghĩa vụ nộp 19.230.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H.

+ Buộc bị đơn ông Phạm Đình K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phi H số tiền gốc là 300.000.000đồng, lãi suất tính đến ngày 27/5/2025 là 84.600.000đồng. Tổng công là 384.600.000đồng (*Ba trăm tám tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bị đơn ông Phạm Đình K có nghĩa vụ nộp 19.230.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H được nhận lại số tiền 10.000.000đồng tạm ứng án phí (do Nguyễn Bình A1 nộp thay) tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2023/0013721 ngày 10/10/2024.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH